

Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn thi THPT Quốc gia năm học 2017-2018 môn Lịch sử

BÀI 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

- Câu 1.** Hội nghị Ianta (2-1945) diễn ra khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai
- A. đã hoàn toàn kết thúc. B. bước vào giai đoạn kết thúc.
C. đang diễn ra vô cùng ác liệt. D. bùng nổ và ngày càng lan rộng.
- Câu 2.** Hội nghị Ianta (2-1945) **không** đưa ra quyết định nào dưới đây?
- A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
B. Giải giáp quân Nhật ở Đông Dương.
C. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
D. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu, châu Á.
- Câu 3.** Nội dung nào sau đây **không** có trong “Trật tự 2 cực Ianta”?
- A. Trật tự thế giới mới hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
B. Trật tự thế giới mới hình thành sau Hội nghị Ianta.
C. Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế.
D. Liên Xô và Mĩ chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác...
- Câu 4.** Nguyên thủ ba quốc gia Liên Xô, Mĩ, Anh đến Hội nghị Ianta (2-1945) với công việc trọng tâm là
- A. nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
B. thành lập tổ chức Liên hợp quốc để giữ gìn hoà bình và an ninh thế giới.
C. phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.
D. bàn biện pháp kết thúc sớm Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Câu 5.** Theo thỏa thuận của cường quốc tại Hội nghị Ianta (2-1945), Tây Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của
- A. các nước Đông Âu. B. các nước Tây Âu.
C. Mĩ, Anh và Liên Xô. D. Đức, Pháp và Nhật Bản.
- Câu 6.** Nước nào sau đây **không** tham gia Hội nghị cấp cao diễn ra ở Ianta (2-1945)?
- A. Anh. B. Mĩ. C. Liên Xô. D. Đức.
- Câu 7.** Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, sau khi tiêu diệt phát xít Đức, Liên Xô sẽ
- A. tham chiến chống Nhật ở châu Á.
B. khôi phục lại trật tự thế giới mới.
C. cùng với đồng minh hàn gắn lại hậu quả của chiến tranh.
D. hình thành liên minh với Mĩ chống Nhật.
- Câu 8.** Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Á, Hội nghị Ianta đã
- A. quyết định Liên Xô hình thành khối liên minh với Mĩ để chống Nhật.
B. quyết định Liên Xô chống Nhật trước khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu.
C. quyết định Liên Xô chống Nhật khi chiến tranh đang diễn ra ở châu Âu.
D. quyết định Liên Xô chống Nhật sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu.
- Câu 9.** Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập **không** nhằm mục đích
- A. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

- B. phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.
- C. duy trì trật tự thế giới mới có lợi cho Mỹ và đồng minh.
- D. hỗ trợ kinh tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật cho các nước thành viên.

Câu 10. Một trong những nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc là

- A. hợp tác phát triển có hiệu quả về kinh tế, văn hóa và xã hội.
- B. chung sống hòa bình, vừa hợp tác vừa đấu tranh.
- C. tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước thành viên.
- D. giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

Câu 11. Mọi quyết định của Hội đồng Bảo an phải được sự nhất trí của 5 nước uỷ viên thường trực là

- A. Mĩ, Anh, Pháp, Liên Xô (Liên bang Nga), Nhật Bản.
- B. Liên Xô (Liên bang Nga), Trung Quốc, Mĩ, Anh, Nhật.
- C. Liên Xô (Liên bang Nga), Đức, Mĩ, Anh, Trung Quốc.
- D. Liên Xô (Liên bang Nga), Trung Quốc, Mĩ, Anh, Pháp.

Câu 12. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, vấn đề trung tâm trong nhiều cuộc gặp gỡ giữa nguyên thủ 3 cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh với những bất đồng sâu sắc, đó là

- A. vấn đề tương lai nước Nhật.
- B. vấn đề tương lai của Triều Tiên.
- C. vấn đề tương lai nước Đức.
- D. vấn đề tương lai của nước Mĩ.

Câu 13. Ngày 24-10-1945, sau khi Quốc hội các nước thành viên phê chuẩn, bản Hiến chương của Liên hợp quốc

- A. được bổ sung, hoàn chỉnh.
- B. chính thức được công bố.
- C. chính thức có hiệu lực.
- D. được chính thức thông qua.

Câu 14. Một trong những cơ quan chính của Liên hợp quốc được quy định trong Hiến chương (1945) là

- A. Tòa án quốc tế.
- B. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa.
- C. Tổ chức y tế thế giới.
- D. Quỹ nhi đồng.

Câu 15. Nguyên tắc cơ bản nhất để chỉ đạo hoạt động của Liên hợp quốc là

- A. tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- B. không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
- C. chung sống hòa bình và có sự nhất trí giữa năm cường quốc lớn.
- D. bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

Câu 16. Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, một trật tự thế giới mới đã được hình thành với đặc trưng lớn là

- A. thế giới chia làm 2 phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.
- B. Mĩ và Liên Xô tăng cường chạy đua vũ trang ở khắp nơi.
- C. thế giới chìm trong "Chiến tranh lạnh" do Mĩ phát động.
- D. loài người đứng trước thảm họa "đụng đũa trên miệng hố chiến tranh".

Câu 17. Mọi nghị quyết của Hội đồng bảo an được thông qua với điều kiện phải

- A. có n a số thành viên của Hội đồng tán thành.
- B. 2/3 số thành viên đồng ý .
- C. được tất cả thành viên tán thành.
- D. có sự nhất trí của Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

Câu 18. Quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945) và những thỏa thuận sau đó giữa ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới vì

- A. các nước tham chiến được hưởng nhiều quyền lợi sau chiến tranh.
- B. làm cho cục diện hai cực, hai phe được xác lập trên toàn thế giới.
- C. đã dẫn tới sự giải thể của chủ nghĩa thực dân ở các thuộc địa.
- D. đã phân chia xong phạm vi ảnh hưởng giữa các nước thắng trận.

Câu 19. Theo nguyên tắc nhất trí giữa 5 nước Ủy viên thường trực, một quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc sẽ chắc chắn được thông qua khi

- A. chỉ có ít nước bỏ phiếu chống.
- B. không có nước nào bỏ phiếu chống.
- C. không có nước nào bỏ phiếu trắng.
- D. phần lớn các nước bỏ phiếu thuận.

Câu 20. Nội dung nào sau đây được xem như là một “thiết chế” của Trật tự hai cực Ianta?

- A. Phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước tư bản phương Tây.
- B. Sự phát triển và vươn lên của cực Tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu.
- C. Sự suy yếu và sụp đổ của cực Xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu.
- D. Một số nước sau khi giành độc lập bị cuốn theo một trong hai cực Ianta.

BÀI 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945-1991) LIÊN BANG NGA (1991-2000)

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945) Liên Xô là nước

- A. thu lợi nhiều nhất từ bán vũ khí.
- B. bại trận song kinh tế tăng trưởng cao.
- C. thắng trận, kinh tế phát triển.
- D. chịu tổn thất nặng nề trong Chiến tranh.

Câu 2. Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991-2000 là ngả về phương Tây, khôi phục và phát triển quan hệ với các nước ở

- A. châu Á.
- B. châu Âu.
- C. châu Phi.
- D. châu Mỹ.

Câu 3. Liên Xô tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai vì

- A. các nước phương Tây cấm vận.
- B. các thế lực phản động chống phá.
- C. bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
- D. Mỹ tiến hành Chiến tranh lạnh.

Câu 4. Từ năm 1950 đến năm 1975, Liên Xô thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm

- A. phấn đấu đạt 20% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.
- B. hoàn thành cơ giới hóa, điện khí hóa, hóa học hóa nền kinh tế.
- C. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới.
- D. tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Câu 5. Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngả về phương Tây với hi vọng

- A. thành lập một liên minh chính trị ở châu Âu.
- B. xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở châu Âu.
- C. nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.
- D. tăng cường hợp tác khoa học-kỹ thuật với các nước châu Âu.

Câu 6. Yếu tố nào sau đây quyết định sự thành công của Liên Xô trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1946-1950)?

- A. Nhân dân Liên Xô có tinh thần tự lực, tự cường.
- B. Liên Xô có lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.
- C. Liên Xô có sự hợp tác hiệu quả với các nước Đông Âu.

D. Liên Xô là nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 7. Trong những năm 1945-1950, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Liên Xô là

- A. phá thế bao vây, cấm vận.
- B. xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật.
- C. mở rộng quan hệ ngoại giao.
- D. khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

Câu 8. Sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử năm 1949 đã

- A. làm đảo lộn hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- B. buộc các nước Tây Âu phải đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- C. chứng tỏ Liên Xô là nước đầu tiên chế tạo thành công bom nguyên tử.
- D. phá thế độc quyền về vũ khí nguyên tử của Mỹ.

Câu 9. Một trong những biểu hiện Liên Xô là thành trì của cách mạng thế giới từ năm 1950 đến nay đầu những năm 70 của thế kỷ XX là

- A. tích cực giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. trực tiếp đối đầu với các cường quốc phương Tây.
- C. làm phá sản hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- D. thúc đẩy sự hình thành xu thế hợp tác toàn cầu.

Câu 10. Trong thời gian từ năm 1950 đến nay đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô đi đầu trong lĩnh vực nào sau đây?

- A. Công nghiệp sản xuất điện dân dụng.
- B. Chế tạo vũ khí tên lửa đạn đạo.
- C. Công nghiệp vũ trụ, điện hạt nhân.
- D. Cuộc “cách mạng xanh”.

Câu 11. Việc Liên Xô phóng thành công con tàu vũ trụ (1961) đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái đất đã

- A. khẳng định sức mạnh vượt bậc về khoa học-kỹ thuật.
- B. mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.
- C. phá vỡ thế độc quyền về vũ khí nguyên tử của Mỹ.
- D. chứng tỏ Liên Xô là một quốc gia có tiềm lực mạnh.

Câu 12. Một trong những nội dung quan trọng về chính trị của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là

- A. ban hành chính sách hòa hoãn với các dân tộc, tôn giáo.
- B. ra nhiều chính sách chống khủng bố và phần tử li khai.
- C. ban hành Hiến pháp Liên bang Nga (12-1993).
- D. đẩy lùi được nạn thất nghiệp, tích cực chống khủng bố.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là khái quát về chính sách đối ngoại của Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX?

- A. Giúp đỡ các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.
- B. Chống lại âm mưu gây chiến của các thế lực thù địch.
- C. Bảo vệ hòa bình, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
- D. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 14. Ý nào sau đây **không** phải là một trong những nội dung của tình hình Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000?

- A. Kinh tế có sự tăng trưởng nhanh nhưng xen kẽ những đợt suy thoái kéo dài.
- B. Một trong hai thách thức lớn của nước Nga là sự tranh chấp giữa các đảng phái.
- C. Vừa ngã về phương Tây vừa khôi phục và phát triển quan hệ với các nước châu Á.
- D. Từ năm 2000, Nga vẫn phải đương đầu với nạn khủng bố do phần tử li khai gây ra.

Câu 15. Từ năm 1946-1950, Liên Xô đã đạt được thắng lợi to lớn nào trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

- A. Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế.
- B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên của trái đất.
- C. Xây dựng được cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- D. Thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết.

BÀI 3. CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

Câu 1. Từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến giữa

- A. Đảng dân chủ và Quốc dân Đảng.
- B. Đảng dân chủ và Đảng Cộng hòa.
- C. Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản.
- D. Quốc dân Đảng và Đảng Cộng hòa.

Câu 2. Đối với Trung Quốc, sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (10-1949) có nghĩa như thế nào?

- A. Đánh dấu cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở Trung Quốc đã hoàn thành triệt để.
- B. Lật đổ chế độ phong kiến, đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do.
- C. Đưa Trung Quốc trở thành nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực châu Á.
- D. Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Nhận xét nào sau đây **không** đúng về khu vực Đông Bắc Á?

- A. Là khu vực rộng, đông dân nhất thế giới và có nguồn tài nguyên phong phú.
- B. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản không bị chủ nghĩa thực dân nô dịch.
- C. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan là ba trong bốn con rồng kinh tế của châu Á.
- D. Những năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới.

Câu 4. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong những năm 1949-1959 là

- A. liên minh chặt chẽ với Mĩ, song vẫn duy trì quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa và mở rộng bành trướng.
- C. tích cực củng cố hòa bình, thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.
- D. đặt quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 5. Trọng tâm của đường lối Đổi mới ở Trung Quốc (thực hiện từ 12-1978) là

- A. phát triển kinh tế.
- B. phát triển kinh tế, chính trị.
- C. cải tổ hệ thống chính trị.
- D. phát triển văn hóa, giáo dục.

Câu 6. Từ sau năm 1987, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc có nét mới so với trước đó là

- A. kiên trì cải cách dân chủ.
- B. kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- C. thực hiện cải cách mở c a.
- D. kiên trì đường lối xã hội chủ nghĩa.

Câu 7. Sự kiện nào dưới đây đưa Trung Quốc trở thành quốc gia thứ ba trên thế giới có tàu cùng với con người bay vào vũ trụ?

- A. Từ 11-1999 đến 3-2003, Trung Quốc đã phóng 4 con tàu "Thần Châu" bay vào vũ trụ.
- B. Tháng 10-2003, Trung Quốc phóng tàu "Thần Châu 5" đưa người bay vào vũ trụ.
- C. Tháng 3-2003, Trung Quốc phóng tàu "Thần Châu 4" đưa người bay vào vũ trụ.
- D. Tháng 11-1999, Trung Quốc phóng tàu "Thần Châu 1" bay vào không gian vũ trụ.

Câu 8. Một trong những nghĩa quốc tế của sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1-10-1949) là

- A. cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Bắc Á.
- B. làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống trên thế giới.

C. tạo điều kiện nối liền chủ nghĩa xã hội từ châu Âu sang châu Á.

D. làm giảm tình trạng căng thẳng của cục diện Chiến tranh lạnh.

Câu 9. Một trong những nội dung của đường lối mới (thực hiện từ 12-1978) của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc là

A. lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm, thực hiện cải cách và mở cửa.

B. chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn.

C. thực hiện mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

D. ra sức xây dựng bước đầu cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, phát triển giáo dục.

Câu 10. Từ sau năm 1978, nội dung nào sau đây là đường lối đối ngoại của Trung Quốc?

A. Đã bình thường hóa về quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Mông Cổ, Indônêxia.

B. Ngả về các nước phương Tây với mong muốn nhận được sự ủng hộ từ các nước này.

C. Liên minh với Mỹ và các nước thường trực trong Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

D. Tiếp tục thực hiện chính sách tích cực nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

BÀI 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ÁN ĐỘ

Câu 1. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á bị biến thành thuộc địa của

A. quân phiệt Nhật Bản.

B. các nước phương Tây.

C. phát xít Đức.

D. Mỹ và Đồng minh.

Câu 2. Từ năm 1954-1975, ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống

A. sự xâm lược của Nhật Bản.

B. chủ nghĩa phát xít Đức.

C. sự trở lại của thực dân Âu-Mỹ.

D. chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

Câu 3. Những quốc gia Đông Nam Á tuyên bố độc lập trong năm 1945 là

A. Indônêxia, Việt Nam, Lào.

B. Campuchia, Malaixia, Brunây.

C. Indônêxia, Xingapo, Malaixia.

D. Miến Điện, Việt Nam, Philippin.

Câu 4. Sau khi giành được độc lập, nhóm năm nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội với mục tiêu

A. khôi phục sự phát triển của các ngành công nghiệp nặng ở các nước.

B. nhanh chóng xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

C. nhanh chóng vươn lên trở thành những nước công nghiệp mới (NICs).

D. thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp nhẹ trong nước.

Câu 5. Năm 1945, nhân dân một số nước Đông Nam Á đã tranh thủ yếu tố thuận lợi nào để nổi dậy giành độc lập?

A. Quân Đồng minh giải giáp quân đội Nhật Bản.

B. Phát xít Đức đầu hàng lực lượng Đồng minh.

C. Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng Đồng minh.

D. Liên Xô đánh thắng quân phiệt Nhật Bản.

Câu 6. Một trong những nguyên nhân nào sau đây thúc đẩy sự ra đời của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài vào khu vực.

B. Sự xuất hiện ngày càng nhiều của các công ty xuyên quốc gia.

C. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Đông Dương tiếp tục leo thang.

D. Những thành công của các nước công nghiệp mới (NICs).

Câu 7. Một trong những mục tiêu của tổ chức ASEAN là

- A. xóa bỏ áp bức bóc lột và nghèo nàn và lạc hậu.
- B. xây dựng khối liên minh chính trị và quân sự.
- C. xây dựng khối liên minh kinh tế và quân sự.
- D. tăng cường hợp tác phát triển kinh tế và văn hóa.

Câu 8. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á – ASEAN được thành lập ngày 8-8-1967 với sự tham gia của

- A. Ấn Độ, Malaysia, Xingapo, Thái Lan và Philippin.
- B. Ấn Độ, Myanmar, Malaysia, Xingapo và Thái Lan.
- C. Ấn Độ, Brunây, Xingapo, Thái Lan và Philippin.
- D. Ấn Độ, Malaysia, Xingapo, Myanmar và Thái Lan.

Câu 9. Trong giai đoạn (1967-1975), ASEAN là một tổ chức

- A. có vị trí quốc tế.
- B. còn non trẻ, hợp tác lỏng lẻo.
- C. có sự quản lý chặt chẽ.
- D. tập hợp đầy đủ thành viên.

Câu 10. Sự khởi sắc của ASEAN được đánh dấu bằng việc

- A. vấn đề Campuchia được giải quyết.
- B. kí Hiệp ước Thân thiện và hợp tác.
- C. Việt Nam và Lào gia nhập ASEAN.
- D. ASEAN kết nạp đầy đủ thành viên.

Câu 11. Một trong những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước được đề cập trong Hiệp ước Bali (2-1976) là

- A. chung sống hòa bình và chống nguy cơ chiến tranh.
- B. hợp tác có hiệu quả trong lĩnh vực quân sự, vũ khí.
- C. không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- D. tôn trọng độc lập chính trị của các nước thành viên.

Câu 12. Biến đổi quan trọng nhất ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. tất cả các nước Đông Nam Á đều gia nhập ASEAN.
- B. các nước trong khu vực đều giành được độc lập.
- C. kinh tế các nước đã có sự phát triển nhanh chóng.
- D. đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

Câu 13. Hiệp định Giơ-ne-vơ (7-1954) có nghĩa gì đối với nước Lào?

- A. Thừa nhận địa vị hợp pháp của Lào.
- B. Công nhận Lào là một nước tự do.
- C. Thoát khỏi ách thống trị hoàn toàn.
- D. Đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 14. Nước Lào bước sang thời kì xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội khi

- A. nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập.
- B. Hiệp định Viêng Chăn (21-2-1973) được chính thức kí kết.
- C. Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố nền độc lập của Lào.
- D. kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (7-1954).

Câu 15. Từ năm 1951, nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia.
- C. Đảng Dân chủ Campuchia.
- D. Đảng Cộng hòa Campuchia.

Câu 16. Campuchia bước vào thời kì hồi sinh, xây dựng lại đất nước từ sau khi

- A. Vương quốc Campuchia được tuyên bố thành lập.
- B. nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia được thành lập.

C. kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (7-1954).

D. Hiệp định hòa bình về Campuchia được kí kết tại Pari.

Câu 17. Từ năm 1954 đến đầu năm 1970, Chính phủ Xihanuc thực hiện đường lối

A. liên minh chặt chẽ với Mĩ.

B. không tiếp nhận viện trợ từ mọi phía.

C. tham gia các khối liên minh quân sự.

D. hòa bình, trung lập.

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của ASEAN?

A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước.

B. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa vũ lực đối với nhau.

C. Nhất trí hoạt động của nhóm năm nước sáng lập ASEAN.

D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

Câu 19. Khi gia nhập ASEAN, Việt Nam có thể tận dụng cơ hội nào sau đây?

A. Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực.

B. Tiếp nhận được nhiều nguồn vốn và đầu tư của các nước.

C. Tham gia trao đổi sản phẩm, hỗ trợ về vũ khí quân sự.

D. Hỗ trợ các nước khác trong khu vực về vốn và lao động.

Câu 20. Từ thành công của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, các nước đang phát triển ở Đông Nam Á có thể rút ra bài học nào để hội nhập kinh tế quốc tế?

A. Giải quyết nạn thất nghiệp và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

B. Mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật của nước ngoài.

C. Xây dựng nền kinh tế tự chủ, chú trọng phát triển nội thương.

D. Ưu tiên sản xuất hàng tiêu dùng nội địa để chiếm lĩnh thị trường.

Câu 21. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân Ấn Độ đấu tranh chống thực dân Anh dưới sự lãnh đạo của

A. Đảng Cộng hòa.

B. Đảng Cộng sản.

C. Đảng Quốc Đại.

D. Đảng Dân chủ.

Câu 22. Theo “Phương án Maobátton”, thực dân Anh chia Ấn độ thành hai quốc gia trên cơ sở nào sau đây?

A. Văn hóa.

B. Tôn giáo.

C. Kinh tế.

D. Chính trị.

Câu 23. Ngày 26-1-1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước

A. dân chủ.

B. cộng hòa.

C. cộng sản.

D. dân chủ.

Câu 24. Từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực là nhờ tiến hành cuộc cách mạng nào sau đây?

A. “Cách mạng xanh”.

B. “Cách mạng chất xám”.

C. “Cách mạng trắng”

D. “Cách mạng công nghiệp”.

Câu 25. Về đối ngoại, Ấn Độ theo đuổi chính sách nào sau đây?

A. Hòa bình, trung lập tích cực, luôn luôn ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc.

B. Hòa bình, trung lập, không tham gia vào bất kì khối liên minh chính trị nào.

C. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới, thiết lập ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc.

D. Ngăn chặn ảnh hưởng của các nước phương Tây, song liên minh chặt chẽ với Mĩ.

BÀI 5. CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LATINH

Câu 1. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước châu Phi nổ ra khi

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. B. Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra.
 C. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu. D. Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc.
- Câu 2.** Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi nổ ra trước tiên ở
 A. Bắc Phi. B. Nam Phi. C. Trung Phi. D. Tây Phi.
- Câu 3.** Lịch s ghi nhận năm 1960 là Năm châu Phi vì
 A. có 17 nước ở châu Phi giành độc lập.
 B. tất cả các nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.
 C. phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh.
 D. châu Phi là “Lục địa mới trời dậy”.
- Câu 4.** Kẻ thù chủ yếu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của người dân Nam Phi là
 A. chủ nghĩa thực dân cũ. B. chủ nghĩa thực dân mới.
 C. chủ nghĩa Apacthai. D. chủ nghĩa đế quốc.
- Câu 5.** Mốc đánh dấu chủ nghĩa thực dân cũ ở Châu Phi về căn bản đã chấm dứt là
 A. nhân dân Ai Cập lật đổ vương triều Pha-rúc.
 B. 17 nước được trao trả độc lập (Năm châu Phi)
 C. thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la.
 D. Cộng hòa Na-mi-bi-a tuyên bố độc lập.
- Câu 6.** Bản Hiến pháp (11-1993) ở Nam Phi được ban hành đã
 A. quy định thể chế Tổng thống ở Nam Phi.
 B. mở ra bước tiến mới trong hệ thống chính trị.
 C. chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.
 D. giành độc lập dân tộc và quyền sống con người.
- Câu 7.** Từ đầu thế kỉ XIX, nhiều nước ở khu vực Mĩ Latinh giành độc lập từ tay của
 A. thực dân Anh và Bồ Đào Nha. B. thực dân Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha.
 C. phát xít Đức và thực dân Anh. D. thực dân Pháp và Bồ Đào Nha.
- Câu 8.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ tìm cách biến khu vực Mĩ Latinh thành “sân sau” của mình nhờ vào
 A. sự viện trợ kinh tế, quân sự từ Đồng minh.
 B. hợp tác với Liên Xô sau chiến tranh.
 C. ưu thế lớn về kinh tế và quân sự của Mĩ.
 D. lực lượng quân đội khu vực này suy yếu.
- Câu 9.** Tháng 3-1952, với sự giúp đỡ của Mĩ, Chính quyền Batixta đã
 A. ban hành Hiến pháp tiến bộ. B. thả nhiều người yêu nước.
 C. cấm các đảng phái chính trị hoạt động. D. thành lập lực lượng quân đội mạnh.
- Câu 10.** Ngày 1-1-1959, nước Cộng hòa Cuba ra đời đã
 A. chấm dứt hoàn toàn chế độ độc tài thân Mĩ ở khu vực Mĩ Latinh.
 B. tạo làn sóng mạnh mẽ đến cách mạng của các nước trong khu vực.
 C. chứng tỏ sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của lãnh tụ Nênxon Mandêla.
 D. chấm dứt hoàn toàn sự thống trị của chế độ thực dân trên khắp thế giới.
- Câu 11.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực Mĩ Latinh được mệnh danh là "Lục địa bùng cháy" là vì
 A. núi l a thường xuyên hoạt động.
 B. cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ.

- C. phong trào giải phóng dân tộc nổ ra dưới nhiều hình thức.
- D. cách mạng Cuba (1-1-1959) giành được thắng lợi.

Câu 12. Cách mạng Cuba thành công (1-1-1959) đã mở đầu và cổ vũ

- A. phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh.
- B. phong trào đấu tranh chính trị ở Mĩ Latinh.
- C. phong trào đấu tranh nghị trường ở Mĩ Latinh.

- D. tinh thần đấu tranh đòi ruộng đất của nông dân.

Câu 13. Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi?

- A. Từ những năm 50 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ.
- B. Nhân dân Môđambich và Ănggôla đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha.
- C. Tháng 4-1994, cuộc bầu cử dân chủ giữa các chủng tộc diễn ra ở Nam Phi.
- D. Nhân dân Nam Phi đấu tranh chống lại sự cai trị của chế độ thực dân cũ.

Câu 14. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, điều kiện khách quan nào có lợi cho phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

- A. Sự viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Sự giúp đỡ trực tiếp của Liên Xô.
- C. Sự xác lập của trật tự hai cực Ianta.
- D. Sự suy yếu của hai đế quốc Anh và Pháp.

Câu 15. Một trong những điểm khác biệt giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi với châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là về

- A. nhiệm vụ đấu tranh chủ yếu.
- B. kết cục của cuộc đấu tranh.
- C. mục tiêu đấu tranh chủ yếu.
- D. tổ chức lãnh đạo thống nhất của châu lục.

BÀI 6. NƯỚC MĨ

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ

- A. lâm vào khủng hoảng.
- B. tăng nhẹ, xen kẽ suy thoái.
- C. ổn định, đạt mức trước chiến tranh.
- D. phát triển mạnh mẽ.

Câu 2. Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành

- A. trung tâm kinh tế-văn hóa hàng đầu thế giới.
- B. trung tâm kinh tế-tài chính lớn nhất thế giới.
- C. trung tâm kinh tế-chính trị lớn nhất thế giới.
- D. trung tâm kinh tế-quân sự lớn nhất thế giới.

Câu 3. Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng nào sau đây trong giai đoạn 1945-1973?

- A. Cách mạng chất xám.
- B. Cách mạng trắng.
- C. Cách mạng khoa học-kỹ thuật.
- D. Cách mạng công nghiệp.

Câu 4. Một trong ba mục tiêu chủ yếu trong chiến lược toàn cầu của Mĩ là

- A. thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.
- B. ngăn chặn, đẩy lùi và xóa bỏ chủ nghĩa tư bản trên thế giới.
- C. khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.
- D. đàn áp phong trào hiếu chiến của các phần tử phản động, khủng bố.

Câu 5. Mĩ thực hiện chính sách hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô (1945-1973) nhằm

- A. chống lại phong trào đấu tranh cách mạng của các dân tộc.

- B. khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
- C. viện trợ cho các nước xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.
- D. đẩy lùi khó khăn về tài chính, kinh tế sau chiến tranh ở Việt Nam.

Câu 6. Chính quyền Mĩ thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm mục tiêu cơ bản nào sau đây?

- A. Đưa Mĩ trở thành chủ nợ của thế giới.
- B. Đưa Mĩ trở thành cường quốc tư bản chủ nghĩa.
- C. Đưa Mĩ trở thành một trung tâm tài chính số 1 thế giới.
- D. Đưa Mĩ làm bá chủ thế giới.

Câu 7. Đóng vai trò điều tiết và thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển là

- A. các tổ chức phi chính phủ.
- B. Nhà nước.
- C. Đảng Cộng hòa.
- D. Đảng Dân chủ.

Câu 8. Ngày 11 - 7 - 1995 đánh dấu sự kiện gì trong quan hệ đối ngoại của chính phủ Mĩ?

- A. Xô - Mĩ chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- B. Bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.
- C. Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.
- D. Bình thường hóa quan hệ với Cuba.

Câu 9. Đây là điểm chung trong chính sách đối ngoại của các đời tổng thống Mĩ?

- A. Chuẩn bị tiến hành chiến tranh tổng lực.
- B. Thực hiện "Chiến lược toàn cầu hóa".
- C. Thực hiện "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".
- D. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.

Câu 10. Trong các nội dung sau, nội dung nào **không** nằm trong chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Tổng thống Mĩ B.Clin-تون (được triển khai trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX)?

- A. Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao.
- B. Tăng cường phát triển khoa học- kĩ thuật quân sự bảo đảm tính hiện đại về vũ trang.
- C. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ.
- D. S dụng khẩu hiệu "Dân chủ" ở nước ngoài để can thiệp vào nội bộ của nước khác.

Câu 11. Mĩ tìm cách vươn lên chi phối và lãnh đạo toàn thế giới khi

- A. Chiến tranh lạnh kết thúc (1989) và trật tự hai cực Ianta tan rã (1991).
- B. Chiến tranh lạnh bắt đầu (1947) và sự hình thành các khối quân sự.
- C. Liên Xô và các nước NICs suy giảm thế và lực trong Chiến tranh lạnh.
- D. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đang từng bước lớn mạnh.

Câu 12. Các giới cầm quyền Mĩ theo đuổi mưu đồ thống trị toàn thế giới và nô dịch các quốc gia, các dân tộc trên thế giới là dựa vào

- A. sách lược hòa hoãn với hai nước lớn là Trung Quốc và Liên Xô.
- B. sự ủng hộ về quân đội và kinh tế của các nước Đồng minh.
- C. tiềm lực kinh tế tài chính và lực lượng quân sự to lớn của Mĩ.
- D. sự suy yếu ngày càng rõ rệt của hệ thống các nước thuộc địa.

Câu 13. Trong chiến lược "Cam kết và mở rộng" (được triển khai trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX), Mĩ coi trọng việc tăng cường

- A. ứng dụng khoa học-công nghệ để phát triển năng lực sản xuất.
- B. khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ.
- C. hợp tác về kĩ thuật với các nước đồng minh để phát triển kinh tế.
- D. trợ giúp cho nền kinh tế các nước tư bản đồng minh phát triển.

Câu 14. Trong những năm 1973-1982, nền kinh tế Mỹ lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái kéo dài chủ yếu là do

- A. sự cạnh tranh của Nhật Bản và các nước Tây Âu.
- B. tác động của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
- D. việc Mỹ kí Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam.

BÀI 7. TÂY ÂU

Câu 1. Từ năm 1945 đến năm 1950, với sự viện trợ của Mỹ, nền kinh tế của các nước Tây Âu

- A. phát triển nhanh chóng.
- B. phát triển chậm chạp.
- C. cơ bản có sự tăng trưởng.
- D. cơ bản được phục hồi.

Câu 2. Từ năm 1945 đến năm 1950, nội dung nào sau đây **không** phải là một trong những ưu tiên hàng đầu của các nước Tây Âu về chính trị? (*Tham khảo*)

- A. củng cố chính quyền giai cấp tư sản.
- B. hạn chế sự ảnh hưởng của Mỹ.
- C. tìm cách trở lại các nước thuộc địa cũ.
- D. hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 3. Từ năm 1950 đến năm 1973, nét nổi bật của tình hình Tây Âu là

- A. kinh tế phát triển mạnh mẽ, là thị trường lớn của thế giới.
- B. nền dân chủ tư sản ở Tây Âu bước sang thời kì rực rỡ.
- C. trở thành một trong ba trung tâm kinh tế-tài chính của thế giới.
- D. hạn chế sự ảnh hưởng ngày càng nhiều từ phía Mỹ và Đông Âu.

Câu 4. Một trong những nguyên nhân giúp cho nền kinh tế các nước Tây Âu phát triển nhanh là do

- A. coi trọng yếu tố con người vào tất cả các lĩnh vực của đời sống.
- B. chi phí đầu tư vào quốc phòng ít để tập trung phát triển kinh tế.
- C. hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu (EC).
- D. các công ty, tập đoàn có sức sản xuất lớn và hợp tác có hiệu quả.

Câu 5. Giai đoạn 1950-1973, nhiều nước tư bản Tây Âu một mặt tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ, mặt khác

- A. đa dạng hóa, đa phương hóa hơn nữa quan hệ đối ngoại.
- B. tập trung phát triển quan hệ hợp tác với các nước Mỹ Latinh.
- C. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á.

Câu 6. Ngày 7-12-1991, các nước thành viên của Cộng đồng châu Âu (EC) đã

- A. kí Hiệp ước Maxtrích (Hà Lan).
- B. thành lập Cộng đồng kinh tế châu Âu.
- C. kí thỏa thuận hợp tác chung châu Âu.
- D. sửa đổi và bổ sung Hiệp ước Maxtrích.

Câu 7. Mốc đánh dấu bước chuyển từ cộng đồng Châu Âu (EC) sang liên minh Châu Âu (EU) là

- A. Kí hiệp ước Hen-xin-ki (1975).
- B. Đồng tiền EURO được phát hành (1999).
- C. Kết nạp thêm 10 nước Đông Âu.
- D. Kí hiệp ước Maxtrích (1991).

Câu 8. Thời kì “phi thực dân hóa” trên phạm vi thế giới được đánh dấu bằng việc

- A. nhiều thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan tuyên bố độc lập.
- B. xu thế hòa bình sau Chiến tranh lạnh xuất hiện trên thế giới.
- C. hàng loạt các nước tư bản Tây Âu lâm vào khủng hoảng.
- D. các nước xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, trở thành hệ thống.

- Câu 9.** Điểm chung nhất thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Tây Âu và Mỹ là
- áp dụng thành công các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật.
 - Nhà nước đóng vai trò trong việc quản lí, điều tiết nền kinh tế.
 - sự nỗ lực của các tầng lớp nhân dân, chi phí đầu tư quốc phòng hạn chế.
 - tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài để tập trung vào phát triển.

- Câu 10.** Đến cuối thập kỉ 90 (thế kỉ XX), EU trở thành tổ chức liên kết chính trị-kinh tế lớn nhất hành tinh vì
- quan hệ với hầu hết quốc gia trên thế giới.
 - s dụng chung đồng tiền châu Âu (EURO).
 - chiếm hơn 1/4 GDP của toàn thế giới.
 - kết nạp nhiều thành viên tham gia vào tổ chức.

BÀI 7. NHẬT BẢN

Câu 1. Đến khoảng năm 1950-1951, nền kinh tế Nhật Bản đã khôi phục và đạt mức trước chiến tranh do

- thực hiện chiến tranh xâm lược Việt Nam và Triều Tiên.
- sự nỗ lực của bản thân và viện trợ của Mỹ.
- thực hiện thành công ba cuộc cải cách lớn.
- là nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. Từ năm 1945 đến năm 1951, chủ trương trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là

- tranh thủ sự viện trợ từ Tây Âu.
- liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- cải thiện quan hệ với Liên Xô.
- hướng về các nước châu Á.

Câu 3. Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật được kí kết (1951) **không** có nội dung nào sau đây?

- Chấp nhận đứng trước “chiếc ô” hạt nhân của Mĩ.
- Cho Mĩ đóng quân trên lãnh thổ của Nhật Bản.
- Chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh.
- Cho Mĩ xây dựng căn cứ trên lãnh thổ Nhật Bản.

Câu 4. Giai đoạn phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản là

- từ năm 1945 đến năm 1952.
- từ năm 1960 đến năm 1973.
- từ năm 1952 đến năm 1960.
- từ năm 1973 đến năm 1991.

Câu 5. Ý nào sau đây thể hiện Nhật Bản rất coi trọng giáo dục và khoa học-kĩ thuật?

- Tự lực tự cường phát minh các ứng dụng khoa học-kĩ thuật.
- Nhờ sự viện trợ từ Mĩ và các nước Tây Âu về khoa học.
- Chú trọng phát triển giáo dục dựa trên sự giúp đỡ các nước.
- Mua các bằng phát minh sáng chế từ nước ngoài.

Câu 6. Từ năm 1952 đến năm 1973, về mặt khoa học- kĩ thuật và công nghệ, Nhật Bản tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nào sau đây?

- Sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu.
- Sản xuất các mặt hàng công nghệ cao.
- Sản xuất ứng dụng dân dụng.
- Sản xuất các mặt hàng nông sản.

Câu 7. Nhân tố hàng đầu dẫn tới sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1952-1973 là

- chi phí cho quốc phòng thấp (không vượt quá 1% GDP).

- B. tận dụng triệt để các yếu tố thuận lợi từ bên ngoài để phát triển.
- C. con người được coi là vốn quí nhất, là chìa khóa của sự phát triển.
- D. áp dụng những thành tựu khoa học-kỹ thuật để nâng cao năng suất.

Câu 8. Điều **không** phải là một trong những khó khăn đối với nền kinh tế Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973?

- A. Lãnh thổ không rộng, tài nguyên khoáng sản nghèo nàn, chủ yếu nhập khẩu.
- B. Cơ cấu vùng kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối, tập trung ở ba trung tâm lớn.
- C. Giữa công nghiệp và thương nghiệp có sự mất cân đối, phân bố rải rác khắp nơi.
- D. Luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt từ Mỹ, các nước Tây Âu, NICs, Trung Quốc.

Câu 9. Nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1951 đến năm 2000 là

- A. liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. hướng về các nước Đông Bắc Á.
- C. hướng mạnh về Đông Nam Á.
- D. cải thiện quan hệ với Liên Xô.

Câu 10. Từ năm 1973 đến năm 1991, điểm mới trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là

- A. chỉ coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu và Trung Quốc.
- B. tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á, tổ chức ASEAN.
- C. không còn chú trọng hợp tác với Mỹ và các nước Tây Âu.
- D. chú trọng phát triển quan hệ với các nước khu vực Đông Bắc Á.

Câu 11. Từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Nhật Bản phát triển xen kẽ những giai đoạn suy thoái ngắn, chủ yếu do

- A. thị trường tiêu thụ hàng hóa suy giảm đáng kể.
- B. sự cạnh tranh quyết liệt từ Trung Quốc và Ấn Độ.
- C. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
- D. sự cạnh tranh mạnh mẽ của Mỹ và các nước Tây Âu.

Câu 12. Đặc điểm cơ bản nhất trong đời sống văn hóa của Nhật Bản từ năm 1991 đến năm 2000 là gì?

- A. Sự pha trộn của các dòng văn hóa ở khắp các châu lục.
- B. Sự biến đổi của các yếu tố văn hóa truyền thống theo thời gian.
- C. Sự lan tràn và chi phối của các yếu tố văn hóa phương Tây.
- D. Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại.

Câu 13. Từ năm 1991 đến năm 2000, nội dung nào sau đây **không** phải là chính sách đối ngoại của Nhật Bản?

- A. Tiếp tục sự duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. Chú trọng phát triển quan hệ với Đông Nam Á.
- C. Đẩy mạnh hợp tác quan hệ với Trung Quốc.
- D. Coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu.

Câu 14. Nét chung nhất làm cho nền kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật hiện đại.
- B. Nhà nước có vai trò rất lớn trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
- C. các công ty, tập đoàn lớn có sức sản xuất mạnh mẽ, tầm nhìn xa, quản lí tốt.
- D. coi trọng yếu tố con người trong phát triển, là lực lượng nòng cốt hàng đầu.

BÀI 9. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ **không** ra sức thực hiện chính sách nào sau đây?

- A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Thực hiện mưu đồ làm bá chủ thế giới.
- C. Bảo vệ thành quả của chủ nghĩa tư bản.
- D. Đẩy lùi phong trào cách mạng trên thế giới.

Câu 2. Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện khởi đầu cuộc “Chiến tranh lạnh”?

- A. Đạo luật viện trợ nước ngoài của Quốc hội Mỹ.
- B. Thông điệp của Tổng thống Mỹ Truman.
- C. Diễn văn của ngoại trưởng Mỹ Macsan.
- D. Chiến lược toàn cầu của Tổng thống Mỹ Rudoven.

Câu 3. Tại Quốc hội Mỹ (12-3-1947), Tổng thống Truman đề nghị

- A. thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- B. giúp đỡ nước Pháp kéo dài cuộc chiến tranh Đông Dương.
- C. thực hiện Kế hoạch Mácsan, giúp Tây Âu phục hồi kinh tế.
- D. viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 4. Ngoài việc giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế, Kế hoạch Mácsan của Mỹ (1947) còn nhằm tập hợp các nước Tây Âu vào

- A. liên minh kinh tế đối lập với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
- C. liên minh chính trị chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
- D. tổ chức chính trị-quân sự chống lại phe xã hội chủ nghĩa.

Câu 5. Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (1949) và tổ chức Hiệp ước Vácava (1955) đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

- A. Đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh chính thức bắt đầu.
- B. Tạo nên sự phân chia đối lập giữa Đông Âu và Tây Âu.
- C. Xác lập cục diện hai cực, hai phe, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.
- D. Đặt nhân loại đứng trước nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới mới.

Câu 6. Xu hướng hòa hoãn Đông-Tây xuất hiện vào thời gian nào?

- A. đầu những năm 70 (thế kỉ XX).
- B. n a sau những năm 70 (thế kỉ XX).
- C. đầu những năm 80 (thế kỉ XX).
- D. đầu những năm 90 (thế kỉ XX).

Câu 7. Việc “Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức” được kí kết (11-1972) có nghĩa như thế nào?

- A. Chấm dứt tình trạng chiến tranh lạnh ở châu Âu.
- B. Làm cho tình hình châu Âu bớt căng thẳng hơn.
- C. Đánh dấu sự tái thống nhất của nước Đức.
- D. Chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai phe ở châu Âu.

Câu 8. Trong những năm 80 của thế kỉ XX, Mỹ và Liên Xô đã đạt được những thỏa thuận nào sau đây?

- A. Thủ tiêu tên l a tầm trung ở châu Âu.
- B. Thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc.
- C. Ngừng chế tạo bom nguyên t .
- D. Thủ tiêu chế độ thực dân.

Câu 9. Tháng 12-1989, những người đứng đầu hai nước Mỹ và Liên Xô chính thức cùng tuyên bố

- A. bình thường hóa quan hệ.
- B. chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- C. không phổ biến vũ khí hạt nhân.
- D. cắt giảm vũ khí chiến lược.

Câu 10. Trong những năm 1947-1991, sự kiện nào sau đây đã tạo ra một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình và an ninh châu Âu?

- A. Mĩ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- B. Liên Xô và Mĩ kí Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược.
- C. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Tây Đức và Đông Đức.
- D. Định ước Henxinki được kí kết giữa Mĩ, Canada và nhiều nước châu Âu.

Câu 11. Trật tự thế giới hai cực Ianta hoàn toàn tan rã khi

- A. tổ chức Hiệp ước Vácava chấm dứt hoạt động.
- B. Hội đồng trợ trợ kinh tế (SEV) giải thể.
- C. chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ.
- D. Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Câu 12. Nhân tố chủ yếu chi phối quan hệ quốc tế trong phần lớn n a sau thế kỉ XX là

- A. cục diện “Chiến tranh lạnh”.
- B. xu thế toàn cầu hóa.
- C. sự hình thành các liên minh kinh tế.
- D. sự ra đời các khối quân sự đối lập.

Câu 13. Yếu tố nào dưới đây **không** phải là nguyên nhân dẫn tới việc Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh?

- A. Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
- B. Kinh tế Liên Xô lâm vào khủng hoảng trì trệ.
- C. Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và Tây Âu.
- D. Sự suy giảm về thế và lực do chạy đua vũ trang.

Câu 14. Việc Mĩ và Liên Xô chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh (12-1989) chủ yếu xuất phát từ

- A. việc cả hai nước đều gặp khó khăn do tác động của phong trào giải phóng dân tộc.
- B. việc chủ nghĩa xã hội đang trong quá trình phục hồi và phát triển trên khắp thế giới.
- C. sự suy giảm “thế mạnh” của hai nước trên nhiều mặt so với các cường quốc khác.
- D. sự hình thành xu thế mới sau chiến tranh và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học.

Câu 15. Nội dung nào sau đây **không** phải là xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty độc quyền xuyên quốc gia.
- B. Hòa bình thế giới được củng cố nhưng ở nhiều khu vực lại không ổn định.
- C. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng đa cực.
- D. Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược, tập trung vào phát triển kinh tế.

Câu 16. Sau khi “Chiến tranh lạnh” chấm dứt, Mĩ muốn thiết lập một trật tự thế giới như thế nào?

- A. Đa cực.
- B. Một cực nhiều trung tâm.
- C. Đa cực nhiều trung tâm.
- D. Đơn cực.

BÀI 10. CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

Câu 1. Cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật có nguồn gốc sâu xa từ

- A. sự mất cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.
- B. yêu cầu giải quyết tình trạng khủng hoảng kinh tế thế giới.
- C. những đòi hỏi ngày càng cao của cuộc sống và sản xuất.
- D. nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho các quốc gia.

Câu 2. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- C. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học - công nghệ.
- D. mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn thi THPT Quốc gia năm học 2017-2018 môn Lịch sử

Câu 3. Một hệ quả quan trọng của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ là từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX, trên thế giới xuất hiện xu thế

- A. hợp tác quốc tế.
- B. toàn cầu hóa.
- C. hợp tác khu vực.
- C. liên minh kinh tế.

Câu 4. Xét về bản chất, toàn cầu hóa là

- A. sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại giữa các quốc gia trên thế giới.
- B. sự tăng cường sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn trên toàn cầu.
- C. sự tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, tác động, phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước.
- D. sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

Câu 5. Từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, cách mạng công nghệ đã trở thành cốt lõi của cuộc

- A. cách mạng thông tin.
- B. cách mạng khoa học-kỹ thuật hiện đại.
- C. cách mạng công nghiệp.
- D. cách mạng khoa học-kỹ thuật lần thứ nhất.

Câu 6. Cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật hiện đại, mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ

- A. nghiên cứu khoa học.
- B. nhu cầu của đời sống.
- C. tiến bộ công nghệ.
- D. tiến bộ kỹ thuật.

Câu 7. Một trong những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa ngày nay là

- A. sự phát triển nhanh chóng của các tập đoàn thương mại quốc tế.
- B. sự hợp tác và tác động to lớn của các tổ chức liên kết khu vực.
- C. sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- D. sự tăng lên mạnh mẽ của lực lượng sản xuất tiên tiến trên thế giới.

Câu 8. Thương mại quốc tế tăng, có nghĩa là

- A. nền kinh tế của các nước trên thế giới có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau.
- B. giá trị trao đổi sản phẩm trong nước của các công ty xuyên quốc gia liên tục tăng.
- C. nền kinh tế của các nước trên thế giới ngày càng mang tính quốc tế hóa rõ rệt.
- D. tổng sản phẩm thế giới và giá trị trao đổi của các nước hội nhập vào kinh tế chung

Câu 9. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành các tập đoàn lớn (những năm cuối thế kỉ XX) nhằm

- A. tăng nhanh giá trị trao đổi thương mại trên phạm vi quốc tế.
- B. tạo mối quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau của nền kinh tế.
- C. tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.
- D. giải quyết những vấn đề kinh tế chung của quốc tế và khu vực.

Câu 10. Vì sao toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, một thực tế không thể đảo ngược?

- A. Kết quả của quá trình tăng lên mạnh mẽ của lực lượng sản xuất.
- B. Các nước tư bản tăng cường đầu tư vốn ra thị trường thế giới.
- C. Các cường quốc đẩy mạnh liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu.

D. Kết quả của việc thu hút nguồn lực vào các nước đang phát triển.

BÀI 11. TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

Câu 1. Nhân tố hàng đầu chi phối quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu thập niên 90 của thế kỉ XX là gì?

- A. Sự ra đời của hai nhà nước Đức. B. Hệ thống chủ nghĩa xã hội được mở rộng.
C. Trật tự thế giới hai cực Ianta. D. Sự ra đời và hoạt động của Liên hợp quốc.

Câu 2. Chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành hệ thống trên thế giới bằng việc

- A. thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu.
B. thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1945) và cách mạng Cuba (1959).
C. cao trào giải phóng dân tộc thắng lợi ở các nước Á, Phi và Mỹ Latinh.
D. thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (1949) và cách mạng Lào (1945).

Câu 3. Những thắng lợi nào sau đây đã mở rộng không gian địa lí của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa?

- A. Cách mạng Việt Nam (1945), cách mạng Trung Quốc (1949), cách mạng Cuba (1959).
B. Cách mạng Trung Quốc (1949), cách mạng Ấn Độ (1950), cách mạng Cuba (1959).
C. Cách mạng Việt Nam (1945), cách mạng Trung Quốc (1949), cách mạng Ấn Độ (1950).
D. Cách mạng Việt Nam (1945), cách mạng Cuba (1959), cách mạng Nam Phi (1994).

Câu 4. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX trở đi, sự kiện nào trên thế giới đã gây tổn thất nặng nề cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế?

- A. Trật tự hai cực Ianta được xác lập trên toàn thế giới.
B. Mĩ - Xô chạy đua vũ trang trong chiến tranh Lạnh.
C. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tan rã.
D. Hai nhà nước mới ra đời trên bán đảo Triều Tiên.

Câu 5. Một trong những thất bại tiêu biểu của Mĩ khi thực hiện các chiến lược toàn cầu (trong n a sau thế kỉ XX)?

- A. Bản đồ chính trị thế giới có những thay đổi to lớn, sâu sắc.
B. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975).
C. Nhiều nước ở châu Á, Phi, Mĩ Latinh tuyên bố độc lập.
D. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Lào và Campuchia.

Câu 6. Quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng trong n a sau thế kỉ XX **không** phải do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Sự tham gia ngày càng đông đảo của các nước tư bản độc lập sau chiến tranh Lạnh.
B. Ý thức về hiểm họa khủng khiếp của cuộc chiến tranh hạt nhân của các dân tộc.
C. Quy mô toàn cầu của các hoạt động kinh tế-tài chính và chính trị của các quốc gia.
D. Những tiến bộ kỳ diệu của khoa-học kỹ thuật đã làm cho các nước xích lại gần hơn.

Câu 7. Trong n a sau thế kỷ XX, các nước tư bản ngày càng có xu hướng liên kết kinh tế khu vực chủ yếu do

- A. sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất.
B. thế giới đã chuyển sang giai đoạn hòa bình, ổn định.
C. quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng và đa dạng.
D. sự thất bại nặng nề trong các cuộc chiến tranh thế giới.

Câu 7. Một trong những "di chứng" của Chiến tranh lạnh là

- A. sự bùng nổ xung đột do tranh chấp lãnh thổ.
- B. cuộc chạy đua vũ trang giữa các cường quốc.
- C. khả năng đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- D. tình trạng gia tăng xu thế li khai ở nhiều nơi.

Câu 8. Biến đổi nào dưới đây **không** chứng tỏ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới?

- A. Từ những nước thuộc địa, hơn 100 quốc gia đã giành được độc lập.
- B. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân đã bị xóa bỏ hoàn toàn.
- C. Trật tự hai cực Ianta bị xói mòn do sự ra đời của các quốc gia độc lập.
- D. Sau khi giành độc lập, các quốc gia đều tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây **không** phải là tác động của phong trào giải phóng dân tộc đối với quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Góp phần làm xói mòn trật tự thế giới hai cực Ianta.
- B. Dẫn đến sự ra đời của 100 quốc gia độc lập trên thế giới.
- C. Dẫn đến tình trạng đối đầu giữa các cường quốc về vấn đề thuộc địa.
- D. Sau khi độc lập, các nước tích cực tham gia vào đời sống chính trị thế giới.

Câu 10. Sau chiến tranh lạnh, sức mạnh của mỗi quốc gia được xây dựng **không** phải dựa trên yếu tố nào sau đây?

- A. Một nền sản xuất phồn vinh.
- B. Một lực lượng lao động có trình độ cao.
- C. Một nền tài chính vững chắc.
- D. Một lực lượng quốc phòng hùng mạnh.

PHẦN ĐÁP ÁN

BÀI 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

1. B	2. B	3. D	4. C	5. B	6. D	7. A	8. D	9. C	10. D
11. D	12. C	13. C	14. A	15. C	16. A	17. D	18. B	19. B	20. A

BÀI 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945-1991) LIÊN BANG NGA (1991-2000)

1. D	2. A	3. C	4. D	5. C	6. A	7. D	8. D	9. A	10. C
11. B	12. C	13. C	14. A	15. A					

BÀI 3. CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

1. C	2. D	3. D	4. C	5. A	6. C	7. B	8. B	9. C	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

BÀI 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

1. A	2. D	3. A	4. B	5. C	6. A	7. D	8. A	9. B	10. B
11. C	12. B	13. A	14. A	15. B	16. B	17. D	18. C	19. B	20. B
21. C	22. B	23. B	24. A	25. A					

BÀI 5. CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LATINH

1. A	2. A	3. A	4. C	5. C	6. C	7. B	8. C	9. C	10. B
11. B	12. A	13. D	14. D	15. D					

BÀI 6. NƯỚC MĨ

1. D	2. B	3. C	4. C	5. A	6. D	7. B	8. B	9. B	10. B
11. A	12. C	13. B	14. C						

BÀI 7. TÂY ÂU

1. D	2. B	3. C	4. C	5. A	6. A	7. D	8. A	9. A	10. C
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

BÀI 8. NHẬT BẢN

1. B	2. B	3. C	4. B	5. D	6. D	7. C	8. C	9. A	10. B
11. C	12. D	13. C	14. A						

BÀI 9. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH

1. C	2. B	3. D	4. B	5. C	6. A	7. B	8. A	9. B	10. D
11. C	12. A	13. A	14. C	15. A	16. D				

BÀI 10. CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

1. C	2. B	3. B	4. C	5. B	6. A	7. C	8. A	9. C	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

BÀI 11. TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

1. C	2. A	3. A	4. C	5. B	6. A	7. A	8. D	9. C	10. D
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

